TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09/3/2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Ngâm;
2. Bà Võ Thị Hồng Trà.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 399/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2019/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 01a/2020/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm C, sinh năm 1980; địa chỉ: khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

- Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1980; địa chỉ: khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm C trình bày được tóm tắt như sau:***

- Về hôn nhân: vợ chồng tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân năm 1996 nhưng đến năm 1999 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc thường xuyên xảy ra kình cãi nguyên nhân anh L đi làm không đưa tiền chị nuôi con và chi tiêu sinh hoạt gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt về đập phá đồ đạc trong nhà. Chị nhiều lần báo cáo chính quyền địa phương giải quyết và khuyên can nhưng anh L vẫn không thay đổi. Đến tháng 3/2017, chị bỏ nhà đi thành phố Hồ Chí Minh làm ăn từ thời gian đó cho đến nay, không còn chung

sống với anh L nữa, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống riêng mỗi bên.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Nguyễn Tấn L, sinh ngày 18/9/1997 và Trần Nguyễn Lan T, sinh ngày 25/5/2000. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn là anh Trần Văn L vắng mặt nên không có lời trình bày.***

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung trình bày nêu trên.

- Bị đơn anh Trần Văn L vắng mặt nên không trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng; Đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Cẩm C được ly hôn anh Trần Văn L; về con chung: xét 02 con chung tên Trần Nguyễn Tấn L, sinh ngày 18/9/1997 và Trần Nguyễn Lan T, sinh ngày 25/5/2000 đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xét; về tài sản chung: nguyên đơn không cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **I. Về thủ tục tố tụng**: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Tuy Hòa nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

Bị đơn là anh Trần Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **II. Về nội dung vụ án:**

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm C và anh Trần Văn L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01 ngày 08/02/1999 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc thường

xuyên xảy ra kình cãi nguyên nhân anh L đi làm không đưa tiền chị nuôi con và chi tiêu sinh hoạt gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt về đập phá đồ đạc trong nhà. Từ tháng 3/2017 đến nay chị và anh L không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được xin ly hôn với anh L.

Tòa án nhiều lần triệu tập anh L để lấy lời khai và hòa giải nhưng anh L không đến, điều này thể hiện anh L không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị C và anh L đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C về việc xin ly hôn anh L.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Nguyễn Tấn L, sinh ngày 18/9/1997 và Trần Nguyễn Lan T, sinh ngày 25/5/2000. Hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm C không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] **III. Về án phí:** Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Cẩm C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Cẩm C được ly hôn anh Trần Văn L.

- Về con chung: Các con Trần Nguyễn Tấn L, sinh ngày 18/9/1997 và Trần Nguyễn Lan T, sinh ngày 25/5/2000 đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về tài sản chung: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm C không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014916 ngày 23/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục Thi hành án DS TP. Tuy Hòa;
- UBND xã X, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Thu